

ĐÁNH GIÁ LẠI QUY MÔ GDP

ThS Lê Văn Duyệt
Hội Thống kê Việt Nam

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng. Bên cạnh việc phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh quy mô và tốc độ phát triển của nền kinh tế, GDP còn dùng để biên soạn các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác có liên quan, phản ánh chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế và tính toán các chỉ tiêu đòn bẩy như tỷ lệ huy động sự đóng góp của các đơn vị kinh tế vào ngân sách nhà nước so với GDP, bội chi ngân sách so với GDP... Việc rà soát, đánh giá lại quy mô GDP là phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm phản ánh sát thực hơn quy mô GDP của nền kinh tế. Kết quả đánh giá lại quy mô của GDP đã được Tổng cục Thống kê công bố mới đây cho thấy sát hơn với bức tranh, năng lực thực tế của nền kinh tế; phản ánh được phần nào hiệu quả các chính sách kinh tế. Kết quả này là căn cứ để xây dựng các mục tiêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025.

Kết quả

Quy mô GDP tăng bình quân 25,4%/năm trong giai đoạn 2010-2017 sau khi đánh giá lại

Quy mô GDP đánh giá lại của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành tăng bình quân 25,4%/năm trong giai đoạn 2010-2017, tương ứng tăng bình quân 935 nghìn tỷ đồng/năm, trong đó năm 2011 có tỷ lệ tăng cao nhất với 27,3% và năm 2015 có tỷ lệ tăng thấp nhất là 23,8%. Năm 2017, quy mô GDP sau khi đánh giá lại đạt 6.294 nghìn tỷ đồng (bảng 1).

Về khu vực kinh tế, giá trị tăng thêm theo giá hiện hành của cả 3 khu vực đều tăng sau khi đánh giá lại, trong đó quy mô khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ tăng khá lớn. Cụ thể:

- Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sau khi đánh giá lại trong giai đoạn 2010-2017 tăng thêm từ 24 đến 46 nghìn tỷ đồng mỗi năm, tương ứng tăng 5,4-6,2% so với số đã công bố. Năm 2017, giá trị tăng

Bảng 1. Quy mô GDP theo giá hiện hành.

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng

	Tổng số	Chia ra			
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
Số đã công bố					
2010	2.158	397	693	797	271
2011	2.780	544	896	1.021	319
2012	3.245	624	1.089	1.209	323
2013	3.584	644	1.190	1.388	362
2014	3.938	697	1.308	1.537	396
2015	4.193	713	1.394	1.666	420
2016	4.503	735	1.473	1.843	452
2017	5.006	768	1.672	2.065	501
Số đánh giá lại					
2010	2.740	421	905	1.113	301
2011	3.540	576	1.224	1.377	363
2012	4.074	660	1.461	1.594	359
2013	4.474	681	1.591	1.814	388
2014	4.937	735	1.743	2.020	439
2015	5.191	751	1.779	2.190	471
2016	5.639	779	1.924	2.417	519
2017	6.294	814	2.227	2.680	573

Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19436>.

thêm do đánh giá lại của khu vực này đạt 814 nghìn tỷ đồng (số đã công bố là 768 nghìn tỷ đồng).

- Giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp và xây dựng sau khi đánh giá lại trong giai đoạn 2010-2017 tăng thêm từ 212 đến 555 nghìn tỷ đồng mỗi năm, tương ứng tăng 27,6-36,6% so với số đã công bố. Năm 2017, giá trị tăng thêm do đánh giá lại của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 2.227 nghìn tỷ đồng (số đã công bố là 1.672 nghìn tỷ đồng).

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ sau khi đánh giá lại giai đoạn 2010-2017 tăng thêm từ 316 đến 615 nghìn tỷ đồng mỗi năm, tương ứng tăng 29,8-39,6% so với số đã công bố. Năm 2017, giá trị tăng thêm do đánh giá lại của khu vực dịch vụ đạt 2.680 nghìn tỷ đồng (số đã công bố là 2.065 nghìn tỷ đồng).

Cơ cấu GDP thay đổi, phản ánh rõ hơn xu hướng chuyển dịch của nền kinh tế

Bình quân mỗi năm giai đoạn 2010-2017, so với số đã công bố, cơ cấu giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP giảm từ 17,3 xuống còn 14,2% (giảm 3,1 điểm phần trăm); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 37,1 lên 38,9% (tăng 1,8 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ tăng từ 45,6 lên 46,8% (tăng 1,2 điểm phần trăm); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng về quy mô so với số đã công bố nhưng cơ cấu trong GDP giảm từ 10,4 xuống 9,3% bình quân cả giai đoạn.

Tốc độ tăng GDP hàng năm không có biến động lớn so với số đã công bố

Tốc độ tăng GDP hàng năm trong giai đoạn 2011-2017 tăng nhẹ, phù hợp với

Bảng 2. Tốc độ phát triển GDP trong nước theo giá so sánh 2010.

Đơn vị tính: %

	Tổng số	Chia ra			
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
Số đã công bố					
2011	106,24	104,23	107,60	107,47	102,07
2012	105,25	102,92	107,39	106,71	98,40
2013	105,42	102,63	105,08	106,72	106,42
2014	105,98	103,44	106,42	106,16	107,93
2015	106,68	102,41	109,64	106,33	105,54
2016	106,21	101,36	107,57	106,98	106,38
2017	106,81	102,90	108,00	107,44	106,34
Bình quân giai đoạn 2011-2017	106,08	102,84	107,38	106,83	104,68
Số đánh giá lại					
2011	106,41	104,24	107,35	107,65	102,07
2012	105,50	102,87	107,17	107,03	98,06
2013	105,55	102,53	105,12	106,82	106,20
2014	106,42	103,20	106,24	107,31	107,90
2015	106,99	102,51	109,19	107,05	105,51
2016	106,69	101,65	107,83	107,46	106,16
2017	106,94	103,17	108,28	107,12	106,25
Bình quân giai đoạn 2011-2017	106,36	102,88	107,30	107,20	104,54

Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19436>.

xu hướng tăng trưởng công bố hàng năm, mỗi năm tăng 0,13-0,48 điểm phần trăm, trong đó năm 2016 tăng cao nhất với 0,48 điểm phần trăm. Tốc độ tăng GDP các năm giai đoạn 2011-2017 lần lượt là: 6,41; 5,50; 5,55; 6,42; 6,99; 6,69; 6,94 % (bảng 2).

Sự thay đổi của các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp có liên quan

Quy mô GDP thay đổi dẫn tới các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác cũng thay đổi, cụ thể: (1) Tích lũy tài sản bình quân mỗi năm tăng 28,98%; (2) Tiêu dùng cuối cùng thay đổi đáng kể

ở khu vực hộ dân cư, bình quân tăng 26,37%/năm; (3) Tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân mỗi năm tăng 26,6%; (4) GDP bình quân đầu người tăng thêm 10,3 triệu đồng/người/năm (tương ứng tăng thêm 25,6%/năm); (5) Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP bình quân mỗi năm khoảng 33,3%/năm (tăng thêm 0,7 điểm phần trăm); (6) Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) không có sự thay đổi lớn, giai đoạn 2011-2017 là 5,98 (giảm 0,27), giai đoạn 2016-2017 là 6,05 (giảm 0,22); (7) Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GDP giảm bình

Bảng 3. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đánh giá lại.

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
GDP bình quân đầu người, nội tệ (triệu đồng)	31,5	40,2	45,7	49,6	54,2	56,3	60,5	66,8
GDP bình quân đầu người, ngoại tệ (USD)	1.690	1.958	2.194	2.370	2.561	2.597	2.759	2.985
Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP (%)	38,1	32,8	31,3	31,0	31,6	33,8	34,2	34,7
Hệ số ICOR	-	5,5	6,4	6,5	5,9	5,6	6,0	6,1
Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GDP (%)	21,9	20,8	18,4	18,9	18,2	19,7	20,1	20,5
Tỷ lệ thuế trừ trợ cấp sản phẩm so với GDP (%)	11,0	10,3	8,8	8,7	8,9	9,1	9,2	9,1
Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	24,0	21,5	23,7	24,8	23,2	24,6	23,0	21,5
Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	3,9	2,1	3,5	5,3	5,4	4,8	4,1	2,8
Tỷ lệ nợ công so với GDP (%)	40,7	39,3	40,4	43,6	46,3	49,2	50,9	48,8

Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19436>.

quân mỗi năm khoảng 5,0%; (8) Tỷ lệ thuế trừ trợ cấp sản phẩm so với GDP giảm bình quân mỗi năm khoảng 1,1%; (9) Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với GDP bình quân 23,2%/năm (số đã công bố là 29,1%/năm); (10) Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP giảm bình quân 1,2%/năm; (11) Tỷ lệ dư nợ công so với GDP bình quân giai đoạn 2010-2017 giảm khoảng 11,6%/năm; (12) Năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) bình quân giai đoạn 2015-2017 đóng góp 46,4% trong GDP, giảm 0,13 điểm phần trăm so với ước tính trước đây (bảng 3).

Nguyên nhân dẫn đến thay đổi quy mô GDP

Kinh tế Việt Nam từ năm 2010 đến nay có nhiều chuyển biến, cơ cấu kinh tế chuyển dịch khá nhanh cùng với sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và tốc độ. Chủ trương và chính sách của Nhà nước về phát triển khu vực sản xuất tư nhân, khuyến khích chuyển đổi từ hộ sản xuất kinh doanh sang doanh nghiệp dẫn đến sự phát triển nhanh của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Sự phát triển

nhanh của khu vực doanh nghiệp trong giai đoạn vừa qua chưa được phản ánh kịp thời và đầy đủ trong dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quy mô GDP chưa được tính toán đầy đủ.

Trong quá trình biên soạn GDP, ngoài những nguyên nhân chủ quan trong hoạt động thống kê dẫn đến phạm vi tính toán chưa đầy đủ còn có những nguyên nhân như: sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa chặt chẽ và thống nhất; ý thức hợp tác của các đối tượng cung cấp thông tin còn kém; sự thay đổi và biến động nhanh về hoạt động của các tổ chức kinh tế thuộc khu vực trong nước... Thực hiện rà soát, đánh giá lại quy mô GDP đã nhận diện 5 nhóm nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thay đổi quy mô GDP, trong đó có 4 nhóm nguyên nhân đầu làm tăng quy mô GDP và nhóm nguyên nhân thứ 5 làm giảm quy mô GDP.

Nguyên nhân 1 - Bổ sung thông tin từ tổng điều tra làm quy mô GDP bình quân mỗi năm tăng 589 nghìn tỷ đồng, chiếm 63% mức tăng bình quân đánh giá lại GDP của cả nước. Tổng điều tra kinh tế năm

2017 đã bổ sung 76 nghìn doanh nghiệp, gần 306 nghìn cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể so với số lượng doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể đã sử dụng để tính GDP năm 2016. Doanh thu của doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trong Tổng điều tra kinh tế năm 2017 tăng 2.476 nghìn tỷ đồng so với doanh thu đã ước tính để biên soạn GDP năm 2016, bao gồm: 1.597 nghìn tỷ đồng doanh thu của các doanh nghiệp được bổ sung; 99 nghìn tỷ đồng doanh thu của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể được bổ sung; 780 nghìn tỷ đồng bổ sung chênh lệch giữa tổng doanh thu của tất cả các doanh nghiệp còn lại trong nền kinh tế được tổng hợp từ kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 so với tổng doanh thu ước tính cho chính các doanh nghiệp này trước khi có kết quả Tổng điều tra.

Nguyên nhân 2 - Bổ sung thông tin từ hồ sơ hành chính làm quy mô GDP bình quân mỗi năm tăng 305 nghìn tỷ đồng, chiếm 32,6% mức tăng bình quân đánh giá lại GDP. Rà soát, đối chiếu kết quả Tổng điều tra năm 2017 và dữ liệu từ cơ quan thuế đã bổ sung 278 nghìn tỷ đồng doanh thu. Tổng điều tra kinh tế đã khai thác hồ sơ hành chính của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng bổ sung 146 doanh nghiệp với doanh thu 264 nghìn tỷ đồng; bổ sung 109 nghìn tỷ đồng thu khác ngoài ngân sách nhà nước và khấu hao tài sản cố định của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Nguyên nhân 3 - Cập nhật lý luận mới hệ thống tài khoản quốc gia 2008 làm quy mô GDP bình quân mỗi năm tăng 98 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% mức tăng bình quân đánh giá lại GDP. Đánh giá lại chỉ tiêu GDP đã triển khai cập nhật cách xử lý hoạt động nghiên cứu

và phát triển, hoạt động sản xuất phần mềm máy tính và cách xử lý đối với đơn vị thuê gia công trong nước theo chuẩn của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) 2008.

Nguyên nhân 4 - Rà soát, cập nhật lại phân ngành kinh tế làm quy mô GDP bình quân mỗi năm tăng khoảng 75 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 8% mức tăng bình quân đánh giá lại GDP. Do phương pháp tính giá trị sản xuất, áp dụng hệ số chi phí trung gian và chỉ số giá thay đổi theo ngành kinh tế khi biên soạn chỉ tiêu GDP nên khi rà soát, cập nhật phân ngành kinh tế từ ngành có tỷ lệ giá trị gia tăng thấp sang ngành có tỷ lệ giá trị gia tăng cao, từ ngành có chỉ số giá thấp sang ngành có chỉ số giá cao dẫn đến thay đổi quy mô giá trị tăng thêm của ngành, của khu vực và toàn bộ nền kinh tế.

Nguyên nhân 5 - Cập nhật cơ cấu kinh tế làm thay đổi hệ số chi phí trung gian và chỉ số giá của cả nước làm quy mô GDP bình quân mỗi năm giảm khoảng 131 nghìn tỷ đồng, tương đương giảm khoảng 14% so với mức tăng bình quân mỗi năm đánh giá lại GDP. Trong những năm qua, thay đổi cơ cấu kinh tế của nước ta diễn ra nhanh và mạnh mẽ, không chỉ chuyển đổi cơ cấu giữa 3 khu vực kinh tế mà còn diễn ra trong từng ngành, từng khu vực. Việc thay đổi cơ cấu dẫn đến thay đổi quy mô chỉ tiêu giá trị sản xuất, thay đổi tỷ lệ chi phí trung gian và hệ thống chỉ số giá của nền kinh tế. Vì vậy, đánh giá lại quy mô GDP phải cập nhật sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Việc cập nhật này làm tăng hệ số chi phí trung gian của nhiều ngành kinh tế, dẫn đến quy mô GDP giảm gần 71 nghìn tỷ (giảm 7,6%); làm thay đổi chỉ số giá và bảng giá sản phẩm, dẫn đến quy mô GDP giảm khoảng 61 nghìn tỷ (giảm 6,5%).



Những người buôn bán ở vỉa hè không được ghi nhận là các đơn vị kinh tế của nền kinh tế quốc dân nên không tính giá trị gia tăng của các đơn vị này vào GDP.

Trong bối cảnh thống kê hiện nay, nguyên nhân GDP thấp hơn giá trị thực của nó là phạm vi tính toán GDP không được đầy đủ. Thật vậy, rất có thể mức GDP được đánh giá lại này vẫn thấp hơn thực tế nó vốn có. Lý do là rất có thể còn một mảng đáng kể các đơn vị kinh tế không quan sát được dưới góc độ thống kê chưa khai thác được thông tin của chúng để cập nhật vào giá trị của GDP. Thực tế, rất dễ thấy trên khắp các thành phố làng mạc của đất nước có nhiều đơn vị kinh tế như những người bán hàng rong, những người buôn bán trên các vỉa hè, những người buôn bán nhỏ, những người sản xuất, sửa chữa thuộc loại nhỏ... (thuộc khu vực kinh tế phi chính thức) không được ghi nhận là các đơn vị kinh tế của nền kinh tế quốc dân nên không tính giá trị gia tăng của các đơn vị này vào GDP.

*
* *

Trong quá trình biên soạn chỉ tiêu GDP ở bất cứ quốc gia nào, luôn có những vấn đề phát sinh cần phải rà soát, đánh giá lại cả trong ngắn hạn và dài hạn. Đối với Việt Nam, đánh giá lại quy mô của GDP ở thời điểm này là phù hợp vì Việt Nam đang từng bước chuyển đổi từ SNA 1993 sang SNA 2008 theo khuyến nghị của cơ quan Thống kê Liên hợp quốc. Việc đánh giá lại quy mô của GDP cũng hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế, như: Mỹ công bố kết quả đánh giá lại quy

mô GDP năm 2012 tăng thêm 560 tỷ USD (tăng 3,6% so với số liệu đã công bố); Trung Quốc đã nhiều lần tiến hành đánh giá lại quy mô GDP (năm 2004, năm 2008, năm 2013 và năm 2015), trong đó năm 2013 đã bổ sung khoảng 305 tỷ USD vào quy mô GDP (tăng thêm 3,4%), năm 2015 tiếp tục đánh giá lại và bổ sung 141 tỷ USD vào quy mô GDP (tăng thêm 1,3%); năm 2013, GDP của Nga được đánh giá lại tăng thêm 24,3%; Đức tăng 3% năm 2013; Italia tăng 7% năm 2013; Bulgari tăng 31,2% năm 2014; Rumani và Croatia tăng 28,4% năm 2014... Kết quả đánh giá lại quy mô GDP của Việt Nam rất có thể vẫn thấp hơn so với thực tế, song nó vẫn là căn cứ quan trọng để xây dựng các mục tiêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025. Kết quả này không được dùng để đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 cũng như các kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015 và 2016-2020

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tổng cục Thống kê (2019), *Thông cáo báo chí Đánh giá lại quy mô tổng sản phẩm trong nước* (<https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19436>)